

Số: /TB - UBND

Phước Thành, ngày tháng 7 năm 2023

THÔNG BÁO

Về việc công khai số liệu điều chỉnh dự toán thu - chi Ngân sách xã năm 2024

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ - HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2024 của HĐND xã Phước Thành khoá XIII Kỳ họp lần thứ 12 nhiệm kỳ 2021-2026 về việc điều chỉnh dự toán thu - chi ngân sách xã Phước Thành năm 2024;

Căn cứ quyết định số 195/QĐ - UBND ngày 15 tháng 7 năm 2024 của UBND xã Phước Thành về việc công bố công khai số liệu điều chỉnh dự toán thu - chi Ngân sách xã Phước Thành năm 2024;

UBND xã Phước Thành thông báo công khai số liệu điều chỉnh dự toán thu - chi Ngân sách năm 2024, cụ thể như sau:

1. Dự toán thu - chi Ngân sách năm 2024.

- Tổng dự toán thu ngân sách xã năm 2024: 16.117.938.000đ.

- Tổng dự toán chi ngân sách xã năm 2024: 16.117.938.000đ.

2. Địa điểm công khai: Ủy ban nhân dân xã Phước Thành

3. Thời gian công khai: 15 ngày (Kể từ ngày 17 tháng 7 năm 2024 đến hết ngày 31 tháng 7 năm 2024).

Các phản ánh, đóng góp về công khai số liệu điều chỉnh dự toán thu - chi Ngân sách xã Phước Thành năm 2024 xin gửi về UBND xã (qua bộ phận Tài chính - Kế toán xã) để được xem xét./.

Nơi nhận:

- TT Đảng ủy - TT HĐND xã (b/cáo);
- CT, 2 PCT UBND xã;
- Đài Truyền thanh xã (đưa tin);
- Trang Thông tin điện tử xã;
- TC-KT xã (niêm yết);
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Đạt

Số : /QĐ-UBND

Phước Thành, ngày tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách
năm 2024 của xã Phước Thành**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015 và luật sửa đổi bổ sung một số điều của luật tổ chức Chnh phủ và luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/9/2019;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 12199/QĐ-UBND ngày 19/12/2023 của UBND xã huyện Tuy Phước về việc giao dự toán ngân sách xã Phước Thành năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 20/12/2023 của HĐND xã Phước Thành kỳ họp thứ 11, khóa XIII về việc phê chuẩn dự toán thu, chi ngân sách xã Phước Thành năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND xã Phước Thành kỳ họp thứ 12, khóa XIII về việc phê chuẩn điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách xã Phước Thành năm 2024;

Theo đề nghị của Ban tài chính xã.

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. Công bố công khai số liệu điều chỉnh dự toán thu - chi ngân sách năm 2024 của xã Phước Thành.

(Theo các biểu kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng UBND xã , Ban Tài chính xã , các ban ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này . / .

Nơi nhận:

- UBND huyện;
- Phòng TC-KH huyện;
- Đảng ủy xã;
- HĐND xã;
- Như điều 3;
- Lưu: VT,(TC).

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Đạt

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ SAU ĐIỀU CHỈNH NĂM 2024

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết nghị)

(Kèm theo quyết định số / QĐ - UBND ngày tháng 7 năm 2024 của UBND

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	16.117.938.000	TỔNG SỐ CHI	16.117.938.000
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	799.394.000	I. Chi đầu tư phát triển	7.915.339.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ ⁽¹⁾	3.637.000.000	II. Chi thường xuyên	8.087.599.000
III. Thu bổ sung	11.166.791.000	III. Dự phòng	115.000.000
- Bổ sung cân đối	4.550.000.000		
- Bổ sung có mục tiêu	6.616.791.000		
IV. Thu chuyển nguồn	511.756.000		
V. Thu kết dư ngân sách	2.997.000		

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ SAU ĐIỀU CHỈNH NĂM 2024

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân Quyết nghị)

(Kèm theo quyết định số / QĐ - UBND ngày tháng 7 năm 2024 của UBND xã Phước Thành)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2024	
		THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2
	TỔNG THU	21.850.938.000	16.117.938.000
I	Các khoản thu 100%	802.391.000	802.391.000
	Phí, lệ phí	100.000.000	100.000.000
	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	325.394.000	325.394.000
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp		
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	85.000.000	85.000.000
	Lệ phí trước bạ nhà, đất	200.000.000	200.000.000
	Đóng góp của nhân dân theo quy định		
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân	0	0
	Thu kết dư ngân sách năm trước	2.997.000	2.997.000
	Thu khác	89.000.000	89.000.000
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	9.370.000.000	3.637.000.000
1	Các khoản thu phân chia	0	0
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình		
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	0	
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	9.370.000.000	3.637.000.000
	- Thuế GTGT & TNDN	6.370.000.000	637.000.000
	- Thu tiền sử dụng đất	3.000.000.000	3.000.000.000
	- Thuế TTĐB		
	- Thuế tài nguyên		
	- Thuế thu nhập cá nhân		
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)		
IV	Thu chuyển nguồn	511.756.000	511.756.000
V	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	11.166.791.000	11.166.791.000
	- Thu bổ sung cân đối	4.550.000.000	4.550.000.000
	-Thu bổ sung có mục tiêu ĐT	6.616.791.000	6.616.791.000

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ SAU ĐIỀU CHỈNH NĂM 2024

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân Quyết nghị)

(Kèm theo Quyết định số / QĐ - UBND ngày tháng 7 năm 2024 của UBND

Đơn vị: đồng

ST T	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2024		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI	16.117.938.000	7.915.339.000	8.202.599.000
	Trong đó			
1	Chi giáo dục	2.099.000.000	2.099.000.000	
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ			
3	Chi y tế	108.000.000	108.000.000	
4	Chi văn hóa, thông tin	41.000.000		41.000.000
5	Chi phát thanh, truyền thanh	107.302.000	20.000.000	87.302.000
6	Chi thể dục thể thao	1.339.600.000	1.325.000.000	14.600.000
7	Chi bảo vệ môi trường	717.200.000		717.200.000
8	Chi các hoạt động kinh tế	4.290.379.000	3.952.339.000	338.040.000
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	6.160.044.000	337.000.000	5.823.044.000
10	Chi cho công tác xã hội	228.000.000	74.000.000	154.000.000
11	Chi khác	912.413.000		912.413.000
12	Dự phòng ngân sách	115.000.000		115.000.000

DANH MỤC CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SAU ĐIỀU CHỈNH NĂM 2024

(Danh mục đã được HĐND xã Quyết Nghị)

(Kèm theo quyết định số / QĐ - UBND ngày tháng 7 năm 2024 của UBND xã Phước Thành)

Đơn vị tính : Triệu đồng

TT	Danh mục công trình	Mã công trình	Thời gian Khởi công - Hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2023	Giá trị thanh toán đến 31/12/ 2023	Còn nợ	Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
				Tổng số	Trong đó nguồn nhân dân đóng góp						Nguồn cân đối NS	Nguồn đóng góp
	TỔNG CỘNG			89.963,529	0,000	0,000	37.957,130	22.903,290	7.915,339	4.376,339	7.915,339	0,000
I	CÔNG TRÌNH TRẢ NỢ			44.935,133	0,000	0,000	29.643,390	15.291,743	2.702,672	2.702,672	2.702,672	0,000
1	Đường BTXM GTNT thôn Cảnh An 1 năm 2020	7885632		965,154			960,694	4,460	4	4	4	
2	Bê tông sân nền chợ An Trạch 2020	7828326		271,222			262,561	8,661	9	9	9	
3	Nâng cấp sửa chữa đường BTGT năm 2020	7877759		140,473			137,123	3,350	3	3	3	
4	Xây dựng 04 cổng ngõ vào nghĩa địa các thôn	7942678		709,072			664,511	44,561	45	45	45	
5	Bê tông sân nền và xây dựng Vườn thuốc nam Trại y tế xã	7828322		486,352			473,593	12,759	13	13	13	
6	Xây dựng lều chợ An Trạch năm 2020	7828321		688,310			670,249	18,061	18	18	18	
7	Xây dựng lều chợ Quán Rạp năm 2020	7835649		556,008			541,380	14,628	15	15	15	
8	Xây dựng lều chợ Cây Sanh năm 2020	7828325		831,910			809,898	22,012	22	22	22	
9	Xây dựng mương thoát nước Chợ Quán Rạp nội dài	7855413		646,947			632,375	14,572	15	15	15	
10	Bê tông, lát đá sân Nghĩa trang liệt sỹ xã	7835650		1.119,904			1.090,435	29,469	29	29	29	
11	Bê tông mặt trước nhà văn hóa 4 thôn và nâng cấp mặt bằng sân Nhà văn hóa thôn Bình An 2	7842994		283,710			276,696	7,014	8	8	8	
12	Nâng cấp sân chơi & mái hiên trường mầm non	7844218		789,474			765,485	23,989	24	24	24	

13	Sửa chữa Nhà văn hóa và Tru sở 4 thôn	7844217		736,324			717,064	19,260	19	19	19	
14	Xây dựng mương thoát nước KDC xóm 2, thôn Cảnh An 2	7885421		258,071			251,691	6,380	6	6	6	
15	Nâng cấp sửa chữa đường BTGT NT xóm 2, thôn Cảnh An 1	7879905		392,028			362,965	29,063	30	30	30	
16	Xây dựng mái hiên phía tây Tru y tế xã	7880411		65,298				65,298	65	65	65	
17	Xây dựng tường rào Trường Tiểu học số 1 Phước Thành	7955305		929,434			814,287	115,147	50	50	50	
18	Xây dựng Thư viện xanh Trường Tiểu học số 1 Phước Thành	7909531		497,934			254,216	243,718	40	40	40	
19	Xây dựng tường rào Trường Tiểu học số 2 Phước Thành	7908009		663,914			400,000	263,914	41	41	41	
20	Xây dựng Tường rào Trường THCS Phước Thành năm 2021	7908010		341,794			299,450	42,344	30	30	30	
21	Xây dựng Nhà vệ sinh Trường THCS Phước Thành	7909528		681,435			550,000	131,435	30	30	30	
22	Lắp đặt nắp đầy mương thoát nước Chợ Quán r	7942692		237,452			217,915	19,537	20	20	20	
23	Xây dựng lều Chợ An Trạch năm 2021	7911657		563,651			495,687	67,964	68	68	68	
24	Sửa chữa đường BTXM GT nông thôn năm 2021	7942686		832,193			623,726	208,467	30	30	30	
25	Xây dựng nhà vệ sinh Chợ An Trạch	7909529		392,177			344,890	47,287	30	30	30	
26	Sửa chữa, gia cố khắc phục khẩn cấp các đoạn đê sông Hà Thanh	7930461		716,168			649,339	66,829	30	30	30	
27	Xây dựng, nâng cấp vỏ mộ Nghĩa trang liệt sĩ xã Phước Thành	7974321		1.128,279			535,000	593,279	25	25	25	
28	Nâng cấp sửa chữa tuyến đường từ KDC xóm 1, thôn Bình An 1 đi Hóc Công	8004162		525,780			520,000	5,780	6	6	6	
29	BTXM từ mương Hoàn Cầu đi xóm 1, thôn Bìn	8004153		1.128,633			1.060,432	68,201	30	30	30	
30	KCHKM từ Vườn Du bờ làng đến Bà Chiêu	7908005		359,604			250,695	108,909	30	30	30	
31	KCHKM phai 2/9 giáp ruộng sông Võ Thê - KCHKM từ cây trường giáp sông Võ Thê - KCHKM từ phai bầu Trai đến mương Ngang	7908368		513,490			493,588	19,902	20	20	20	
32	KCHKM từ tràn đồng Quảng đến suối - từ đường bê tông đến mương tràn đồng quảng đến suối - từ đường bê tông đến mương dừa - từ mương bê tông gò thờ đến mương dừa.	7909313		825,858			793,815	32,043	32	32	32	

33	KCHKM từ cào cỏ đến trần đồng Quảng-KCHKM giữa đồng trên và đồng cù lao - KCHKM từ nương giữa bạc nén đến suối nương dứa -KCHKM từ Ngọc Lâm đến đăm Cườm.	7909534		712,122			511,328	200,794	30	30	30	
34	Xây dựng tường rào Trường Mầm non Phước Thành	7942684		759,940			641,766	118,174	30	30	30	
35	Đường BTXM NT thôn B/An 2 năm 2021	7942679		119,616			117,882	1,734	3	3	3	
36	Đường BTXM NT thôn C/An 2 năm 2021	7926574		288,375			284,858	3,517	5	5	5	
37	Đường BTXM NT thôn C/An 1 năm 2021	7942681		1.876,680			1.673,440	203,240	25	25	25	
38	Đường BTXM ngã 3 Mảnh Hồ -Hành lang đường sắt thôn Cảnh An 2	7927018		804,590			764,234	40,356	40	40	40	
39	Sửa chữa nhà vệ sinh, tường rào Trường THCS	7994331		396,125				396,125	30	30	30	
40	Bê tông sân nền Trường THCS	7974602		245,903			100,000	145,903	30	30	30	
41	Xây dựng vườn cỏ tích Trường Tiểu học số 2	7962548		1.112,812			450,000	662,812	30	30	30	
42	Xây dựng Cầu Mương Sanh	7969631		1.095,981			972,753	123,228	30	30	30	
43	Mở rộng đường BTGT đoạn từ QL 19C đến cổng Trường Tiểu học số 1 Phước Thành	7980211		672,691			404,749	267,942	30	30	30	
44	Tường rào Trạm y tế xã	7974604		650,657			250,000	400,657	30	30	30	
45	Tường rào công ngõ, và hệ thống thoát nước Nhà văn hóa thôn Cảnh An 2	7974330		532,601			150,000	382,601	30	30	30	
46	Duy tu sửa chữa đê sông Hà Thanh	7974325		310,413			60,000	250,413	30	30	30	
47	Xây dựng Nhà xe Trường THCS Phước Thành	7974322		303,426			150,000	153,426	30	30	30	
48	KCHKM Miếu bà - ruộng phong; giếng Vườn Thạch - ruộng Thời; Ngõ Chăm - Cầu Giang	7980802		291,676			46,000	245,676	190,826	190,826	190,826	
49	KCHKM ngõ Ghi - ngõ Kỳ; Rộc Sung - sông Hà Thanh; ruộng Chùa - Mương 2/9	7982807		404,659			220,000	184,659	211,349	211,349	211,349	
50	KCHKM Đồng Quảng - phai 2; Gò Thờ - ruộng Tiến; ngõ Dũng Vườn Du; Bờ bạn Quế - Bờ làng; Vũng Tròn - Bà Chiểu	7980800		907,208			491,000	416,208	304,053	304,053	304,053	
51	Đường BTXM GTNT thôn Cảnh An 1 năm 2022	8009198		1.252,831			200,000	1.052,831	25	25	25	
52	Đường BTXM GTNT thôn Bình An 2 năm 2022	8009196		1.190,919			141,900	1.049,019	25	25	25	

53	Đường BTXM GTNT thôn Cảnh An 2 năm 2022	8009209		53,249				53,249	20	20	20	
54	Xây dựng bờ ban ngã ba thôn Bình An 2	7971825		855,787			758,369	97,418	34,708	34,708	34,708	
55	Khắc phục đường GTNT do thiệt hại lũ lụt năm 2021; Hạng mục: Tràn cây Xoài, tràn Đồng Trên	7974326		967,435			450,000	517,435	20	20	20	
56	Lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500. Đồ án: Các điểm khu dân cư tại xã Phước Thành, huyện Tuy Phước			340,432				340,432	20	20	20	
57	Lắp đặt bảng đèn led nhà làm việc UBND xã, nhà văn hoá xã	7994330		492,605			370,000	122,605	20	20	20	
58	Mở rộng đường BTGT đoạn từ công chào đến Nhà văn hóa thôn Bình An 2	7980209		1.046,634			479,481	567,153	20	20	20	
59	Nâng cấp hệ thống Đài truyền thanh	8010599		387,678			345,249	42,429	20	20	20	
60	Xây dựng kênh mương bờ ban đầu thôn Bình An 2	7969645		1.023,226			850,000	173,226	64,213	64,213	64,213	
61	Xây dựng tường rào phía đông, nối sê nô giữa 02 dãy phòng học Trường Tiểu học số 2 Phước Thành	7980207		576,016			352,837	223,179	20	20	20	
62	Xây dựng nhà vệ sinh Trường Tiểu học số 2	7994332		1.048,781			200,000	848,781	20	20	20	
63	Tường rào công ngõ Trường Mầm non cụm Bình An 2	7978211		815,022			457,854	357,168	20	20	20	
64	Tường rào công ngõ và sân nền Trường MN cụm Cảnh An 2	7974329		979,180			529,931	449,249	20	20	20	
65	KCHKM mương giữa đồng trên; Mọc mè - Cây Gáo; bờ ban đầu - cây Gáo; sân bắn - ruộng Khả Gò Miếu	7980798		521,146				521,146	158,627	158,627	158,627	
66	KCHKM mương Gò Miếu - ruộng Thành Nhân; mương giữa ông Tùng sâu	7980804		593,970				593,970	138,916	138,916	138,916	
67	KCHKM từ đầu Cây Me đến Hóc Ngang	7982791		161,888				161,888	59,98	59,98	59,98	
68	Lắp đặt tuyên truyền Trục quan, Cảnh quan môi trường	7994333		1.052,361			300,000	752,361	25	25	25	
69	Xây dựng hệ thống thoát nước đoạn từ Bàu Định giáp xã Phước An	7974601		812,446				812,446	25	25	25	
II	CÔNG TRÌNH CHUYỂN TIẾP			35.443,287	0,000	0,000	8.313,740	7.611,547	4.248,667	1.673,667	4.248,667	
1	Nâng cấp mở rộng đường BTXM liên xã đoạn từ Bàu định đến giáp xã Phước An	7980213		869,792			806,830	62,962	30	30	30	
2	KCHKM từ Phai bầu trảy đến đồng Cò Ke	7908007		297,180			203,362	93,818	30	30	30	
3	KCHKM từ vườn ươm Nhân đến ngõ Lý	7908008		608,642			260,931	347,711	30	30	30	

4	KCHKM từ công sân bắn đến gò miếu - từ phai gò miếu đến trần Cù Lao - từ phai hồ Cây da đến vũng nông	7909533		956,986			692,827	264,159	25	25	25	
5	Xây dựng tường rào phía đông, sân nền Trường TH số 1	7926572		1.054,424			683,000	371,424	30	30	30	
6	Xây dựng sân khâu, vườn cô tích Trường MN Phước Thành	7926573		1.015,427			639,334	376,093	25	25	25	
7	Mở rộng BTGTNT đoạn từ cổng chào đến Trường mẫu giáo thôn Bình An 1	7969646		724,970			652,720	72,250	20	20	20	
8	Nâng cấp cải tạo nhà xe giáo viên, học sinh, cổng vệ, cổng ngõ, nhà bảo vệ, cột cờ Trường Tiểu học số 1 Phước Thành	7974324		1.017,130			350,000	667,130	20	20	20	
9	Cải tạo vườn cô tích, khu vận động, đường chạy 60m và sân nền phía sau trường tiểu học số 1 Phước Thành	8010610		873,639				873,639	20	20	20	
10	Nâng cấp cải tạo sân nền, bồn hoa và hệ thống thoát nước phía trước Trường Tiểu học số 1 Phước Thành	7974323		1.111,075			300,000	811,075	20	20	20	
11	Xây dựng sân bóng đá, sân nền và hệ thống thoát nước phía sau dãy 12 phòng tầng trường Trường tiểu học số 1 Phước Thành	8010609		1.141,262			200,000	941,262	25	25	25	
12	Mở rộng đường BTGT đoạn từ quốc lộ 19C đến KDC xóm 1 thôn Cảnh An 1	7994334		474,921			307,000	167,921	25	25	25	
13	Mở rộng đường BTGT đoạn từ Nhà văn hoá thôn Cảnh An 2 đến Từ đường	7980212		964,960			440,918	524,042	25	25	25	
14	Mở rộng nâng cấp GTNT từ QL 19C đến khu dân cư xóm 2 thôn Cảnh An 1	7980208		889,704			406,979	482,725	25	25	25	
15	KCHKM Ngõ Tám Mèo - Giáp suối; Rộc Tâm - Mương Hoàn Cầu	7980796		396,840				396,840	237,315	237,315	237,315	
16	Xây dựng bờ ban quế thôn Bình An 2	7971824		558,756			490,058	68,698	61,352	61,352	61,352	
17	Xây dựng tường rào, cổng ngõ và sân nền trường Mầm non cụm Bình An 1	7974335		777,579			341,000	436,579	25	25	25	
18	Nâng cấp, mở rộng BTXM từ ngõ Sơn - Ngõ Sáng xóm 2 thôn Bình An 2			400,000					25	25	25	
19	Nâng cấp BTXM đường nội bộ khu dân cư Lỗ Đế xóm 5 thôn Cảnh An 1	8084449		100,000					25	25	25	
20	Nâng cấp, mở rộng BTXM từ ngõ Xanh - Ngõ Mướp xóm 4 thôn Bình An 1			150,000					25	25	25	

21	Nâng cấp, mở rộng BTXM từ ngõ Pha - Ngõ Bình - Ngõ Hưng xóm 2 thôn Cảnh An 1			300,000					25	25	25	
22	BTXM nhà yên xóm 3 - nhà Anh thôn Bình An 2	8086002		90,000					25	25	25	
23	BTXM dọc đê sông Hà Thanh xóm 1 thôn Cảnh An 2	8086001		400,000					25	25	25	
24	BTXM xóm 4 Cảnh An 1 - Xóm 1 thôn Bình An 1			800,000					25	25	25	
25	BTXM - Nghĩa Địa Vườn Du Bình An 1			200,000					25	25	25	
26	KCHKM đoạn từ đường bê tông đồng cây Xay đến ngõ Lý	8086000		450,000					25	25	25	
27	Xây dựng sân nền, cột cờ Trường tiểu học số 2 Phước Thành	8041466		435,000			200,000	235,000	25	25	25	
28	Xây dựng công thoát nước qua đường và nâng cấp taly tuyến đường từ Bưu điện xã đến Trường tiểu học số 1 Phước Thành			200,000					25	25	25	
29	Sân vận động xã Phước Thành	8067405		8.300,000					1325		1325	
30	Nhà thi đấu đa năng Trường TH số 2 Phước Thành	8080142		3.900,000					625	625	625	
31	Xây dựng nhà kho vật tư nông nghiệp cho HTX nông nghiệp Phước Thành	8037779		839,000			619,000	220,000	25	25	25	
32	Đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Phước Thành, huyện Tuy Phước đến năm 2035	8069707		300,000					25	25	25	
33	Nâng cấp sửa chữa, xây dựng tường rào nhà văn hóa thôn Bình An 1	8042006		384,000			338,300	45,700	25	25	25	
34	Nâng cấp sửa chữa, xây dựng tường rào nhà văn hóa thôn Cảnh An 1	8042005		534,000			381,481	152,519	25	25	25	
35	Đường bê tông khu dân cư đất làng xóm 5 thôn Cảnh An 1			628,000					25		25	
36	Bê tông và trang trí khu công viên cột cờ			300,000					25		25	
37	Nâng cấp sửa chữa đường BT GTNT năm 2023			300,000					25		25	
38	Xây dựng Bờ bạn Bàu Sen	8081131		900,000					425		425	
39	Nạo vét sa bồi, san trả mặt bằng đồng ruộng phía hạ lưu tràn đồng trên	8081130		900,000					425		425	
40	Nạo vét, phát dọn thông thoáng dòng chảy tuyến mương đoạn từ Cầu Mương Sanh đến Cầu Tre	8081132		900,000					325		325	
III	CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG MỚI			9.585,109	0,000	0,000	0,000	0,000	964,000	0,000	964,000	

1	Nâng cấp trường Tiểu học số 1 Phước Thành			800,000					350		350	
2	Nâng cấp trường Trung học cơ sở Phước Thành			800,000					369		369	
3	Nâng cấp mở rộng trường mầm non Phước Thành			300,000					25		25	
4	Nhà thi đấu đa năng Trường TH số 1 Phước Thành			3.000,000					50		50	
5	Sửa chữa và lắp đặt mới hệ thống Camera an ninh			700,000					50		50	
6	Nạo vét kênh mương thoát nước xóm 1 thôn Cảnh An 2			100,000					20		20	
7	Xây dựng nhà xe giáo viên 3 điểm trường mầm non			90,000					20		20	
8	Sơn sửa nghĩa trang liệt sỹ xã năm 2024			200,000					20		20	
9	Sửa chữa Trạm bơm và thay thế đường ống dẫn nước trước Trạm bơm Núi Đá, thôn Cảnh An 1, xã Phước Thành			1.182,000					20		20	
10	XD tuyến đường BTXM từ Hóc Công đi xóm 1 thôn Bình An 1			1.213,109					20		20	
11	Xây lắp điện chiếu sáng đường giao thông đoạn Quốc lộ 19C đến Sư đoàn 31			1.200,000					20		20	